

DANH SÁCH BỔ SUNG THƯƠNG NHÂN ĐƯỢC CẤP VISA XUẤT KHẨU HÀNG DỆT MAY SANG THỊ TRƯỜNG HOA KỲ NĂM 2006 THEO PHƯƠNG THỨC HẠN NGẠCH KÝ QUỸ BẢO LÃNH

(Ban hành kèm theo TB số: 0147/TM-DM ngày 12 tháng 4 năm 2006, phát hành ngày 17 tháng 4 năm 2006)

Mặt hàng: Quần nam nữ chất liệu sợi nhân tạo

Cat 647/648, đơn vị tá

Tỷ lệ KQBL tối đa 60% HN thành tích 2005, giá KQBL: 10.000 đồng/tá

TT	Tên Thương nhân	Phòng QLXNK KV	Địa chỉ giao dịch	Số lượng đăng ký KQBL của TN	Số tiền KQBL TN đã nộp	Số tiền KQBL nộp theo quy định	Số tiền chênh lệch	Ngân hàng BL	Số hiệu thư Bảo lãnh	60% thành tích 2005 theo 0048	40% Số đã thực hiện theo 0059, 0090	Hạn ngạch được thực hiện
Phòng Đà Nẵng (ghi chú: Phòng QLXNK rà soát số thực hiện của thương nhân, tiếp tục trừ 40% số thực hiện theo TB0059, số thực hiện theo các TB tại đó thương nhân được phân giao hạn ngạch trừ vào tiêu chuẩn KQBL.)												
1	Công ty TNHH Quinmax International Việt Nam	Đà Nẵng	Xã Thủy Dương, H. Hương Thủy, T.T. Huế	835	8,350,000	8,350,000	0			882		835
Phòng Đồng Nai (ghi chú: Phòng QLXNK rà soát số thực hiện của thương nhân, tiếp tục trừ 40% số thực hiện theo TB0059, số thực hiện theo các TB tại đó thương nhân được phân giao hạn ngạch trừ vào tiêu chuẩn KQBL.)												
2	Công ty TNHH Việt Nam Unionlite	Đồng Nai	Lô VII-4 KCN Hồ Nai, Trảng Bom, Đồng Nai	495	4,950,000	4,950,000	0			495		495
Phòng Hà Nội (ghi chú: Phòng QLXNK rà soát số thực hiện của thương nhân, tiếp tục trừ 40% số thực hiện theo TB0059, số thực hiện theo các TB tại đó thương nhân được phân giao hạn ngạch trừ vào tiêu chuẩn KQBL.)												
3	Công ty Liên Doanh TNHH Flexcon Việt Nam	Hà Nội	Dĩnh Trì, làng Giang, bắc giang	293	2,930,000	2,930,000	0			293		293
4	Công ty May Bình Minh	Hà Nội	Khu 5, thị trấn Đông Hưng, huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình	10720	107200000	107,200,000	0	Ngân hàng Công thương Thái Bình	01 ngày 21/2/06	10,720		10,720

DANH SÁCH BỔ SUNG THƯƠNG NHÂN ĐƯỢC CẤP VISA XUẤT KHẨU HÀNG DỆT MAY SANG THỊ TRƯỜNG HOA KỲ NĂM 2006 THEO PHƯƠNG THỨC HẠN NGẠCH KÝ QUỸ BẢO LÃNH

(Ban hành kèm theo TB số: 0147/TM-DM ngày 12 tháng 4 năm 2006, phát hành ngày tháng 4 năm 2006)

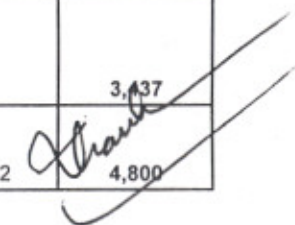
Mặt hàng: Quần nam nữ chất liệu sợi nhân tạo

Cat 647/648, đơn vị tá

Tỷ lệ KQBL tối đa 60% HN thành tích 2005, giá KQBL: 10.000 đồng/tá



TT	Tên Thương nhân	Phòng QLXNK KV	Địa chỉ giao dịch	Số lượng đăng ký KQBL của TN	Số tiền KQBL TN đã nộp	Số tiền KQBL nộp theo quy định	Số tiền chênh lệch	Ngân hàng BL	Số hiệu thư Bảo lãnh	60% thành tích 2005 theo 0048	40% Số đã thực hiện theo 0059, 0090	Hạn ngạch được thực hiện
Phòng TP.HCM (ghi chú: Phòng QLXNK rà soát số thực hiện của thương nhân, tiếp tục trừ 40% số thực hiện theo TB0059, số thực hiện theo các TB tại đó thương nhân được phân giao hạn ngạch trừ vào tiêu chuẩn KQBL.)												
5	Công ty CP May Sông Tiền	TP. HCM	Ấp Bình Tạo, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang	1,600	16,000,000	16,000,000	0	NH Công thương Tiền Giang	760360600008	1,600		1,600
6	Công ty TNHH SHINSUNG VINA	TP. HCM	70 Phạm Ngọc Thạch, Lầu 4, Q 3, Tp. Hồ Chí Minh	889	8,890,000	8,890,000	0	NH liên doanh CHOHUNG VINA	GR23806020024	889		889
7	Công ty TNHH May XK Đức Thành	TP. HCM	12/1 Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, An Giang	39,353	393,530,000	381,908,000	11,622,000	NH Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh An Giang	999150306OLGO001A	39,353	1,162	38,191
8	Chi nhánh Công ty liên doanh May Hồng Việt Trà Vinh	TP. HCM	830 Nguyễn Duy, P. 12, Q. 8, Tp. Hồ Chí Minh	1,559	15,590,000	15,590,000	0	NH Công thương Việt Nam-Sở giao dịch II	900360600157	1,559		1,559
9	Công ty CP Sao Mai	TP. HCM	163 QL 30, P. Mỹ Phú, TX Cao Lãnh, Đồng Tháp	3,437	34,370,000	34,370,000	0	Phương Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	05	3,437		3,437
10	Công ty May Tiền Tiến	TP. HCM	P. 9, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang	4,852	48,522,000	48,002,000	520,000	NH Á Châu (ACB)	730/CV-KHDN.06	4,852	52	4,800



DANH SÁCH BỔ SUNG THƯƠNG NHÂN ĐƯỢC CẤP VISA XUẤT KHẨU HÀNG DỆT MAY SANG THỊ TRƯỜNG HOA KỲ NĂM 2006 THEO PHƯƠNG THỨC HẠN NGẠCH KÝ QUỸ BẢO LÃNH

(Ban hành kèm theo TB số: 0147/TM-DM ngày 12 tháng 4 năm 2006, phát hành ngày tháng 4 năm 2006)

Mặt hàng: Quần nam nữ chất liệu sợi nhân tạo

Cat 647/648, đơn vị tá

Tỷ lệ KQBL tối đa 60% HN thành tích 2005, giá KQBL: 10.000 đồng/tá

TT	Tên Thương nhân	Phòng QLXNK KV	Địa chỉ giao dịch	Số lượng đăng ký KQBL của TN	Số tiền KQBL TN đã nộp	Số tiền KQBL nộp theo quy định	Số tiền chênh lệch	Ngân hàng BL	Số hiệu thư Bảo lãnh	60% thành tích 2005 theo 0048	40% Số đã thực hiện theo 0059, 0090	Hạn ngạch được thực hiện
11	DNTN May XK Cao Viên	TP. HCM	639 Tỉnh lộ 835A, Ấp Lộc Tiên, xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc, Long An	9,000	90,000,000	14,262,000	75,738,000	NH INDOVINA	480/GR/CAD/2006	1,486	60	1,426
12	Công ty TNHH May mặc Thịnh Đạt	TP. HCM	Ấp Vàm., TT Bến Lức, H. Bến Lức, Long An	2,667	26,670,000	25,070,000	1,600,000	NH Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh cấp 2 Long An	999073706ILG B004	2,667	160	2,507
13	Công ty TNHH Đế Vương	TP. HCM	176/90 Đường 26/3 Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh	720	7,200,000	0	7,200,000	The International Commercial Bank of China - Ho Chi Minh City Branch	(95)L-245PG-1	0		0
14	Công ty May XK Việt Hồng	TP. HCM	425B Tỉnh lộ 885, P. 8, TX Bến Tre, Bến Tre	3,100	31,000,000	30,980,000	20,000	NH Công thương VN	01 và 04	3,098		3,098
15	Công ty TNHH Minh Phương	TP. HCM	232/1A Lanh Binh Thái, Cần Giuộc, Long An	3,500	35,000,000	35,000,000	0	NH XNK Việt Nam	1000GRT0603 00020	3,521		3,500
16	DNTN Sản xuất may mặc T.G Long An	TP. HCM	386/2 Quốc lộ 62, phường 6, TX Tân An, Long An	21,110	211,100,000	205,654,000	5,446,000	NH Công thương Chi nhánh Long An	700360600008	21,110	545	20,565

DANH SÁCH BỔ SUNG THƯƠNG NHÂN ĐƯỢC CẤP VISA XUẤT KHẨU HÀNG DỆT MAY SANG THỊ TRƯỜNG HOA KỲ NĂM 2006 THEO PHƯƠNG THỨC HẠN NGẠCH KÝ QUỸ BẢO LÃNH

(Ban hành kèm theo TB số: 0147/TM-DM ngày 12 tháng 4 năm 2006, phát hành ngày tháng 4 năm 2006)

Mặt hàng: Quần nam nữ chất liệu sợi nhân tạo

Cat 647/648, đơn vị tá

Tỷ lệ KQBL tối đa 60% HN thành tích 2005, giá KQBL: 10.000 đồng/tá

TT	Tên Thương nhân	Phòng QLXNK KV	Địa chỉ giao dịch	Số lượng đăng ký KQBL của TN	Số tiền KQBL TN đã nộp	Số tiền KQBL nộp theo quy định	Số tiền chênh lệch	Ngân hàng BL	Số hiệu thư Bảo lãnh	60% thành tích 2005 theo 0048	40% Số đã thực hiện theo 0059, 0090	Hạn ngạch được thực hiện
17	Công ty TNHH Tây Đô Việt Nam	TP. HCM	73 Mậu Thân, Tp. Cần Thơ	9,485	94,850,000	94,850,000	0	NH Đầu tư phát triển Việt Nam-Chi nhánh Cần Thơ	142/2006/HĐ	11,582	342	9,485
18	Công ty TNHH May thêu Quốc Tuấn	TP. HCM	Nguyễn Kiệm, P.9, Phú Nhuận, TP. HCM	1,478	14,784,000	14,784,000	0			1,478		1,478
				115,093			102,146,000	0		109,023	2,321	104,879

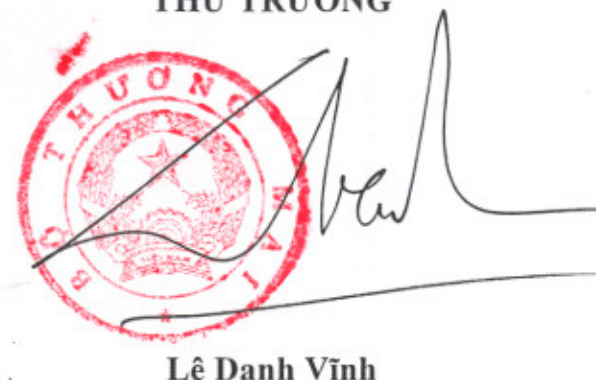
Nơi gửi:

- Bộ Công nghiệp,
- Hiệp hội Dệt May Việt Nam,
- Các Phòng QL XNK khu vực,
- Tổ Giám sát Liên ngành,
- Lưu VT, BDM (2)-Trang mạng

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Xuân Khu

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI
THỨ TRƯỞNG**


Lê Danh Vĩnh